TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ,TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Trâm Lụt, xã CY, huyện CT, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Trâm Lụt, xã CY, huyện CT, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2012, đến ngày 22/8/2013, anh chị mới đến Ủy ban nhân dân xã Cẩm Yên để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Hiếu, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh

ngày 13/9/2015. Hiện cả 02 con đều đang ở với anh T và ông bà nội. Để ổn định tâm lý và điều kiện học tập của các con, chị nhất trí giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho cả 02 cháu.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập cho anh T, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2023 đối với người thân của anh Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị Xuân (mẹ đẻ anh T). Bà Xuân cho biết: Anh Nguyễn Văn T là con trai của bà, anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Yên, sau khi cưới vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng một thời gian, sau khi chị H sinh con thì gửi con cho ông bà để đi làm ăn. Vợ chồng mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Sau khi chị H làm đơn xin ly hôn, bà đã nhận được giấy triệu tập và các Thông báo của Tòa án và cam kết giao lại cho anh T. Bà cũng gọi điện động viên anh T về giải quyết, nhưng anh T vẫn không chịu về mà nhờ bà nhận hộ các giấy tờ và báo cáo với Tòa án là anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị H ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con và anh xin vắng mặt, anh T đi làm ăn ở Hà Nội nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể, mẹ con chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại.

Theo biên bản xác minh ngày 30/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Yên phản ánh: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Trâm Lụt, xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 22/8/2013, anh T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Yên. Mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không biết vì anh chị không báo cáo.

Cháu Nguyễn Văn Hiếu và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh có bản trình bày nguyện vọng được ở với bố Nguyễn Văn T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 – BLTTDS. Điều 51; Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27- NQ

326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Hiếu và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh đến đủ tuổi thành niên. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/ 02 cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú thôn Trâm Lụt, xã CY, huyện CT, tỉnh Thanh Hoá nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Nguyễn Văn T hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn T; xác minh với trưởng thôn Trâm Lụt và Ủy ban nhân dân xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy thì anh Nguyễn Văn T hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn Trâm Lụt, xã Cẩm Yên,huyện Cẩm Thủy. Anh T đi làm ăn, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không đến Tòa án giải quyết và cũng không cung cấp địa chỉ. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 - Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn Trâm Lụt, xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập để trình bày ý kiến; các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành

xét xử vắng mặt anh T. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã CY, huyện CT, tỉnh Thanh Hoá nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HN- GĐ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 – Luật HNGĐ 2015.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Hiếu, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 13/9/2015. Cháu Nguyễn Văn Hiếu và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh có nguyện vọng ở với anh T. Mặc dù anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng thông qua mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Xuân trình bày thì anh có nguyện vọng được nuôi con, anh đi làm vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông bà để lo chi phí ăn học cho các con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, nhưng cả hai cháu đều ở với bố và ông bà nội. Do vậy, để đảm bảo điều kiện mọi mặt của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, giao cháu Hiếu và cháu Ngọc Anh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/ 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2024 trở đi theo định kỳ hàng tháng.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 điều 24; điểm a

khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. **Xử**:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Hiếu, sinh ngày 02/7/2013 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 13/9/2015. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiếu và cháu Ngọc Anh đến đủ tuổi thành niên. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh T mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/02 cháu (mỗi cháu 1.000.000đ/01 tháng).Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2024 trở đi theo định kỳ hàng tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng và 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng áp phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng theo biên lai số AA/2021/0010558 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thuỷ. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Các đương sự ;
- UBND Cẩm Yên;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Phong Sơn;
- Lưu hồ sơ;

Vũ Thị Ánh Tuyết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cbà Đức